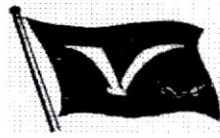


TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ I NĂM 2023**

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ I NĂM 2023**

STT	BIỂU SỐ	NỘI DUNG BIỂU	KỲ BÁO CÁO	TRANG
1	B01-DN/HN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ I NĂM 2023	1-2
2	B02-DN/HN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ I NĂM 2023	3-3
3	B03-DN/HN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ I NĂM 2023	4-4
4	B09-DN/HN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ I NĂM 2023	5-20

NGƯỜI LẬP




Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC



Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2023**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/03/2023 TOÀN CÔNG TY	NGÀY 01/01/2023 TOÀN CÔNG TY
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		416.203.672.956	464.283.012.220
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I - Tiền	110	V.1	198.737.968.657	241.232.955.468
1 - Tiền	111		198.737.968.657	240.682.955.468
2 - Các khoản tương đương tiền	112		-	550.000.000
II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120	V.2	121.700.000.000	122.554.520.548
3- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		121.700.000.000	122.554.520.548
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.417.545.387	20.597.262.396
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	17.364.398.295	16.159.204.878
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.603.487.630	2.093.597.714
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	16.911.053.666	15.805.854.008
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137	V.5	(13.461.394.204)	(13.461.394.204)
IV - Hàng tồn kho	140		32.221.710.385	58.249.942.435
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	32.221.710.385	58.249.942.435
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		27.126.448.527	21.648.331.373
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	2.789.472.695	2.578.321.423
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.096.964.390	16.101.920.322
3 - Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	3.240.011.442	2.968.089.628
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		242.084.603.323	270.704.385.207
(200 = 210 + 220 + 230+ 240 + 250 + 260)				
II - Tài sản cố định	220		201.990.861.420	224.178.916.568
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	201.829.272.516	223.971.827.666
- Nguyên giá	222		1.322.942.405.148	1.323.218.179.148
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.121.113.132.632)	(1.099.246.351.482)
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	161.588.904	207.088.902
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(503.065.596)	(457.565.598)
III - Bất động sản đầu tư	230	V.11	4.029.157.224	4.239.128.721
- Nguyên giá	231		23.700.004.651	23.700.004.651
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(19.670.847.427)	(19.460.875.930)
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	3.763.926.395	3.439.374.004
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.763.926.395	3.439.374.004
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250		94.730.405	94.730.405
1 - Đầu tư vào công ty con	251		-	-
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	537.428.525	537.428.525
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(442.698.120)	(442.698.120)
VI - Tài sản dài hạn khác	260		32.205.927.879	38.752.235.509
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	31.315.635.481	37.861.943.111
2 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	890.292.398	890.292.398
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		658.288.276.279	734.987.397.427

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/03/2023 TOÀN CÔNG TY	NGÀY 01/01/2023 TOÀN CÔNG TY
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		163.552.503.364	241.076.721.288
I - Nợ ngắn hạn	310		154.579.053.364	228.755.271.288
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	20.653.853.448	36.959.537.410
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		604.465.000	604.465.000
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	805.294.113	9.030.964.942
4 - Phải trả người lao động	314		29.218.646.407	54.936.269.184
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	83.884.848	179.499.010
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	2.172.797.821	13.199.889.446
9- Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	87.519.616.547	89.580.378.976
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	13.392.000.000	23.697.000.000
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		128.495.180	567.267.320
II - Nợ dài hạn	330		8.973.450.000	12.321.450.000
7 - Phải trả dài hạn khác	337	V.18	-	-
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	8.973.450.000	12.321.450.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		494.735.772.915	493.910.676.139
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.21	494.735.772.915	493.910.676.139
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		83.253.101.413	83.086.506.355
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		211.482.671.502	210.824.169.784
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		210.579.830.366	(40.744.427.908)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		902.841.136	251.568.597.692
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		658.288.276.279	734.987.397.427

Lập ngày 10 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC




Dương Ngọc Tú

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ I NĂM 2023**

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ I		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ I	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM 2023	NĂM 2022
1	2	3	4	5	6	7
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	178.446.416.886	232.319.249.342	178.446.416.886	232.319.249.342
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.26	178.446.416.886	232.319.249.342	178.446.416.886	232.319.249.342
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	169.564.173.648	167.037.244.655	169.564.173.648	167.037.244.655
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10 - 11)	20		8.882.243.238	65.282.004.687	8.882.243.238	65.282.004.687
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	6.156.398.046	1.160.129.910	6.156.398.046	1.160.129.910
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	4.961.983.407	3.686.326.006	4.961.983.407	3.686.326.006
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		868.456.451	3.562.542.179	868.456.451	3.562.542.179
8 - Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24					
9 - Chi phí bán hàng	25	VI.32	2.466.165.012	4.190.141.778	2.466.165.012	4.190.141.778
10 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	6.101.877.182	8.481.545.236	6.101.877.182	8.481.545.236
11 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)	30		1.508.615.683	50.084.121.577	1.508.615.683	50.084.121.577
12 - Thu nhập khác	31	VI.30	12.798.775	227	12.798.775	227
13 - Chi phí khác	32	VI.31	350.179.668	-	350.179.668	-
14 - Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		(337.380.893)	227	(337.380.893)	227
15 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)	50		1.171.234.790	50.084.121.804	1.171.234.790	50.084.121.804
16 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.34	268.393.654	9.910.226.921	268.393.654	9.910.226.921
17 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.35				
18 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51-52)	60		902.841.136	40.173.894.883	902.841.136	40.173.894.883
19- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		902.841.136	40.173.894.883	902.841.136	40.173.894.883
20- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62					
21 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		45	2.009	45	2.009
22 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Trần Thị Thanh Hương

Lập ngày 10 tháng 04 năm 2023


TỔNG GIÁM ĐỐC

Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP.Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
QUÝ I NĂM 2023


CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I	
			NĂM 2023	NĂM 2022
1	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 - Lợi nhuận trước thuế	01		1.171.234.790	50.084.121.804
2 - Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		22.190.380.694	22.055.837.027
- Các khoản dự phòng	03		-	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.550.775.309	21.298.254
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.590.792.991)	(612.191.733)
- Chi phí lãi vay	06		868.456.451	3.562.542.179
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	
3 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		25.190.054.253	75.111.607.531
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.128.292.307)	(9.805.301.865)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		26.028.232.050	(2.257.558.669)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(56.453.570.456)	(23.373.012.882)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.335.156.358	5.767.516.224
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(97.041.096)	(654.953.419)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.097.011.351)	(12.693.386)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(516.516.500)	(507.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.738.989.049)	44.268.303.534
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(11.047.875.243)	(831.084.921)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(81.700.000.000)	(70.252.904.110)
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		82.554.520.548	30.000.000.000
5 - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.619.072.565	1.206.273.926
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.574.282.130)	(39.877.715.105)
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3 - Tiền thu từ đi vay	33	VII		
4 - Tiền trả nợ gốc vay	34	VII	(13.653.000.000)	(56.348.000.000)
5 - Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35			
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.653.000.000)	(56.348.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		(38.966.271.179)	(51.957.411.571)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		241.232.955.468	178.500.086.206
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.528.715.632)	558.625.922
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70		198.737.968.657	127.101.300.557


Lập ngày 10 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Trần Thị Thanh Hương


TỔNG GIÁM ĐỐC

 Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY I NĂM 2023

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần, Tổng công ty hàng hải Việt Nam sở hữu 51%

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ ,phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải phòng.

- Tại thời điểm 31/03/2023, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

- Công ty con: 01 công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship tại 280 Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 31/03/2023, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là 509 người.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận,nâng cẩu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý I năm 2023 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Thị trường cước tàu hàng khô quốc tế suy giảm mạnh từ đầu năm đến giữa tháng 2 khi BDI rớt từ ngưỡng khoảng 1200 điểm xuống mức đáy 520 điểm và có xu hướng ~~phục~~ hồi từ giữa tháng 2 đến cuối quý 1/2023 khi chỉ số BDI bắt tăng trở lại ngưỡng 1400 điểm. Với nhóm tàu cỡ nhỏ Handysize của Công ty tại thị trường Đông Nam Á, mức giá cước liên tục suy giảm từ đầu năm cho đến hết tháng 2 và đi ngang trong tháng 3 và việc chỉ số BDI tăng điểm trở lại mới chỉ mang lại sự lạc quan về viễn cảnh phục hồi của thị trường trong khu vực này, chứ chưa hiện thực hóa ngay về giá cước. So với cùng kỳ năm ngoái, đội tàu của Công ty chỉ còn 06 chiếc do bán thanh lý một tàu già cũ và cuối tháng 03 có 01 tàu lên đà sửa chữa lớn. Điều này khiến hiệu quả sản xuất kinh doanh đội tàu công ty của quý 1 năm 2023 sụt giảm so với quý trước và cùng kỳ năm ngoái.

I – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

1- **Kỳ kế toán quý I** : bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/03 của năm. Kỳ kế toán quý I năm 2023 bắt đầu từ ngày 01/01/2023 đến 31/03/2023.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- **Chế độ kế toán áp dụng** : Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.

- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán tập trung.

- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :**

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ

tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình ,vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan. Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí ,thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :

	<u>Ngày 31/03/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
1- Tiền		
- Tiền mặt	2.491.665.610	648.240.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	196.246.303.047	240.034.715.468
- Các khoản tương đương tiền	-	550.000.000
Cộng	<u><u>198.737.968.657</u></u>	<u><u>241.232.955.468</u></u>
2- Các khoản đầu tư tài chính		
	<u>Ngày 31/03/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	121.700.000.000	122.554.520.548
b1) Ngắn hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn	121.700.000.000	122.554.520.548
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
- Đầu tư vào công ty con	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-
- Đầu tư cổ phiếu	537.428.525	537.428.525
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 31/03/2023</i>		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	537.018.920	537.018.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 11 CP	409.605	409.605
Cộng	<u><u>122.237.428.525</u></u>	<u><u>123.091.949.073</u></u>
d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	(442.698.120)	(442.698.120)
Cộng	<u><u>(442.698.120)</u></u>	<u><u>(442.698.120)</u></u>
3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Ngày 31/03/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
- Cty TNHH vận tải hàng công nghệ cao	953.605.314	1.515.952.284
- Cty CP Vận tải biển Hoàng Sơn	5.635.289.073	5.635.289.073
- Phosphate Resources Ltd	2.984.943.500	-
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	7.790.560.408	9.007.963.521
Cộng	<u><u>17.364.398.295</u></u>	<u><u>16.159.204.878</u></u>
4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
	<u>Ngày 31/03/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
- Tạm ứng	4.689.292.676	3.377.141.156
- Ký cược, ký quỹ	1.369.000.000	1.369.000.000
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	1.332.339.437	1.743.405.671
- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
-BH tai nạn	8.583.886	8.583.886
- Bảo hiểm xã hội	173.171.833	163.492.437
- Bảo hiểm y tế	13.075.683	13.319.045

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

- Thuế TNCN	20.625.904	-
- Lãi dự thu	1.652.191.781	1.680.471.355
- Các khoản phải thu khác	301.717.996	75.021.025
+ Phải thu khác	<u>301.717.996</u>	<u>75.021.025</u>
Cộng	<u>16.911.053.666</u>	<u>15.805.854.008</u>
5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>Ngày 31/03/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
- CN Bạch Đằng- Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Cty CP thương mại vận tải Thiên Thành	158.378.400	158.378.400
- Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	1.104.934.000
- Nguyễn Văn Bình	358.500.000	358.500.000
- Cty TNHH Thương mại và sản xuất ABC	105.761.500	105.761.500
- Cty TNHH Xây dựng sản xuất thương mại Hoàng Hà	199.080.000	199.080.000
- Công ty vận tải biển Hoàng Sơn	<u>3.944.702.351</u>	<u>3.944.702.351</u>
Cộng	<u>13.461.394.204</u>	<u>13.461.394.204</u>
6- Hàng tồn kho	<u>Ngày 31/03/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	32.152.423.795	47.906.983.565
- Công cụ, dụng cụ	21.947.000	24.502.000
- Chi phí sản xuất, KD dở dang	-	10.271.117.280
- Hàng hoá	<u>47.339.590</u>	<u>47.339.590</u>
Cộng	<u>32.221.710.385</u>	<u>58.249.942.435</u>
7- Xây dựng cơ bản dở dang	<u>Ngày 31/03/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
+ XD bãi container Đình Vũ - HP	91.957.200	91.957.200
+ Chi phí XD lô đất TM8 khu vực đường Hồ Sen	3.644.137.195	3.347.416.804
+ Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.832.000	-
+ TSCĐ đang mua sắm	<u>25.000.000</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>3.763.926.395</u>	<u>3.439.374.004</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

8 - Tăng , giảm tài sản cố định hữu hình Quý I năm 2023

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC TB	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ TSCĐ						
1 . Số dư đầu kỳ		7.505.449.306	1.315.264.586.535	130.752.694	317.390.613	1.323.218.179.148
2 . Số tăng trong kỳ		-	-	-	-	-
Trong đó :						
- Chuyển từ BĐS đầu tư sang						-
3 . Số giảm trong kỳ		275.774.000	-	-	-	275.774.000
Trong đó :						
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Khác		275.774.000				275.774.000
4 . Số cuối kỳ		7.229.675.306	1.315.264.586.535	130.752.694	317.390.613	1.322.942.405.148
Trong đó :						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.404.646.756	7.537.420.109	100.752.694	284.881.522	11.327.701.081
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ						
1 . Đầu kỳ		5.806.296.756	1.093.008.279.779	128.471.599	303.303.348	1.099.246.351.482
2 . Tăng trong kỳ		57.315.518	21.874.490.433	1.071.429	2.031.819	21.934.909.199
- Khấu hao		57.315.518	21.874.490.433	1.071.429	2.031.819	21.934.909.199
- Chuyển từ Bất động sản đầu tư sang						-
3 . Giảm trong kỳ		68.128.049	-	-	-	68.128.049
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Khác		68.128.049				68.128.049
4 . Số cuối kỳ		5.795.484.225	1.114.882.770.212	129.543.028	305.335.167	1.121.113.132.632
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1 . Đầu kỳ		1.699.152.550	222.256.306.756	2.281.095	14.087.265	223.971.827.666
2 . Cuối kỳ		1.434.191.081	200.381.816.323	1.209.666	12.055.446	201.829.272.516
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			190.014.209.976			190.014.209.976

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

9- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình quý I năm 2023

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá				
1 . Số dư đầu kỳ		-	664.654.500	664.654.500
2 . Số tăng trong kỳ		-	-	-
3 . Số giảm trong kỳ		-	-	-
4 . Số cuối kỳ		-	664.654.500	664.654.500
II - Giá trị hao mòn lũy kế				
1 . Đầu kỳ		-	457.565.598	457.565.598
2 . Tăng trong kỳ		-	45.499.998	45.499.998
Do trích khấu hao			45.499.998	45.499.998
4 . Số cuối kỳ		-	503.065.596	503.065.596
III - Giá trị còn lại				
1 . Đầu kỳ		-	207.088.902	207.088.902
2 . Cuối kỳ		-	161.588.904	161.588.904

10- Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính quý I năm 2023: Không có

11 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư quý I năm 2023

CHỈ TIÊU	NHÓM TS	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá				
1 . Số dư đầu kỳ		23.571.714.505	128.290.146	23.700.004.651
2 . Số tăng trong kỳ		-	-	-
3 . Số giảm trong kỳ		-	-	-
- Do chuyển sang TSCĐ hữu hình				-
4 . Số dư cuối kỳ		23.571.714.505	128.290.146	23.700.004.651
II - Giá trị hao mòn lũy kế				
1 . Số dư đầu kỳ		19.332.585.784	128.290.146	19.460.875.930
2 . Số tăng trong kỳ		209.971.497	-	209.971.497
- Do chuyển từ TSCĐ sang				-
- Do trích khấu hao		209.971.497		209.971.497
3 . Số giảm trong kỳ		-	-	-
- Do chuyển sang TSCĐ hữu hình				-
4 . Số cuối kỳ		19.542.557.281	128.290.146	19.670.847.427
III - Giá trị còn lại				
1 . Số dư đầu kỳ		4.239.128.721	-	4.239.128.721
4 . Số dư cuối kỳ		4.029.157.224	-	4.029.157.224

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

	<u>Ngày 31/03/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
12- Chi phí trả trước		
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	2.789.472.695	2.576.353.897
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	1.967.526
Cộng	<u><u>2.789.472.695</u></u>	<u><u>2.578.321.423</u></u>
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	31.315.635.481	37.861.943.111
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	<u><u>31.315.635.481</u></u>	<u><u>37.861.943.111</u></u>
14- Vay và nợ thuê tài chính	<u>Ngày 31/03/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
a) Vay ngắn hạn	-	5.000.000.000
Trong đó :		
+ Nợ ngắn hạn DATC		5.000.000.000
b) Vay dài hạn	22.365.450.000	31.018.450.000
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	13.392.000.000	18.697.000.000
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	13.392.000.000	18.697.000.000
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	8.973.450.000	12.321.450.000
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	8.973.450.000	12.321.450.000
Cộng	<u><u>22.365.450.000</u></u>	<u><u>36.018.450.000</u></u>
15- Phải trả người bán	<u>Ngày 31/03/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Cty TNHH Thương mại xăng dầu Thành Long	4.821.629.500	2.739.361.500
Cty CP Xuất nhập khẩu Kim Việt	6.662.775.000	10.850.360.000
Monjasa	-	9.012.333.078
Phải trả các đối tượng khác	9.169.448.948	13.265.940.201
Cộng	<u><u>20.653.853.448</u></u>	<u><u>36.959.537.410</u></u>
16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>Ngày 31/03/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
a) Phải nộp		
- Thuế GTGT	535.012.809	684.399.554
- Thuế TNDN	268.393.654	8.097.011.351
- Thuế thu nhập cá nhân	1.887.650	249.554.037
Cộng	<u><u>805.294.113</u></u>	<u><u>9.030.964.942</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

b) Phải thu		
- Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	-	-
- Tiền thuê đất được giảm 30% trong năm 2021	-	-
- Tiền thuê đất do được bù trừ	2.930.071.581	2.930.071.581
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	309.939.861	38.018.047
Cộng	3.240.011.442	2.968.089.628
17- Chi phí phải trả	Ngày 31/03/2023	Ngày 01/01/2023
a) Ngắn hạn		
- Chi phí phải trả lãi vay	82.981.074	-
- Chi phí phải trả khác	903.774	179.499.010
	83.884.848	179.499.010
18- Phải trả khác	Ngày 31/03/2023	Ngày 01/01/2023
Ngắn hạn		
- Công đoàn phí	32.488.718	181.279.442
- Kinh phí công đoàn	260.833.078	49.188.670
- Bảo hiểm y tế	101.431.514	53.327.330
- Bảo hiểm thất nghiệp	12.344.285	-
- Thuế TNCN	590.863.969	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	32.000.000	32.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.107.375.000	7.107.375.000
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	1.761.076.563	1.733.443.574
- Phải trả lãi vay các tổ chức tín dụng	18.514.132.339	20.868.175.501
- Nợ chờ xử lý do tái cơ cấu	58.628.174.289	58.628.174.289
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	478.896.792	927.415.170
Cộng	87.519.616.547	89.580.378.976
Dài hạn		
- Phải trả lãi vay NH TMCP	-	-
Cộng	-	-
19- Doanh thu chưa thực hiện	Ngày 31/03/2023	Ngày 01/01/2023
Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	2.172.797.821	13.176.361.200
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, bãi xe	-	23.528.246
Cộng	2.172.797.821	13.199.889.446
21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả :		
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	890.292.398	890.292.398

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

V21- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu :**a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu Quý I năm 2023**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(40.518.877.307)	242.413.844.547
Tăng trong năm trước				-
- Lãi năm 2022			251.568.597.692	251.568.597.692
- Trích lập quỹ		153.784.501	(225.550.601)	(71.766.100)
				-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	83.086.506.355	210.824.169.784	493.910.676.139
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	83.086.506.355	210.824.169.784	493.910.676.139
- Lãi Quý I /2023			902.841.136	902.841.136
				-
-Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2022		166.595.058	(244.339.418)	(77.744.360)
				-
				-
Số dư cuối ngày 31/03/2023	200.000.000.000	83.253.101.413	211.482.671.502	494.735.772.915

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

	<u>Ngày 31/03/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:		
- Vốn góp của Nhà nước 51% VĐL	102.000.000.000	102.000.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 49 % VĐL	98.000.000.000	98.000.000.000
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000
c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nguồn vốn kinh doanh)	<u>Ngày 31/03/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
	200.000.000.000	200.000.000.000
d) Cổ phiếu	<u>Ngày 31/03/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành :	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
e) Các quỹ của doanh nghiệp :		
- Quỹ đầu tư phát triển	<u>Quý I năm 2023</u>	<u>Quý I năm 2022</u>
+ Số dư quỹ đầu kỳ	83.086.506.355	82.932.721.854
+ Tăng trong kỳ	166.595.058	-
Do trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận tại công ty con	166.595.058	
+ Giảm trong kỳ	-	-
+ Số dư quỹ cuối kỳ	83.253.101.413	82.932.721.854
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
+ Số dư quỹ đầu kỳ	567.267.320	1.033.135.100
+ Tăng trong kỳ	77.744.360	-
Trích lập quỹ khen thưởng từ lợi nhuận năm 2022 của công ty con	38.872.180	-
Trích lập quỹ phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022 của công ty con	38.872.180	-
+ Giảm trong kỳ	516.516.500	507.300.000
+ Số dư quỹ cuối kỳ	128.495.180	525.835.100
23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	<u>Ngày 31/03/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
a) Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	8.262.688,89	9.109.719,85
- Nợ khó đòi đã xử lý:	1.180.624.375	1.180.624.375
- Liana Carrier (USD 2,659.71)	59.231.742	59.231.742
-Sky ocean Shipping (USD 21,776.05)	484.952.633	484.952.633
- Cty TNHH TMDV Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐ KINH DOANH :

	<u>Quý I năm 2023</u>	<u>Quý I năm 2022</u>
24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV (MS 01)	178.446.416.886	232.319.249.342
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	178.446.416.886	232.319.249.342
Trong đó :		
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	138.491.790.376	220.137.119.325
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	39.954.626.510	12.182.130.017
+ Doanh thu bán hàng bột đá	-	-
25- Các khoản giảm trừ doanh thu (MS 02)		
26- Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV(MS10)	178.446.416.886	232.319.249.342
27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	Quý I năm 2023	Quý I năm 2022
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	132.673.693.081	156.304.031.042
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	36.890.480.567	10.733.213.613
-Giá vốn bán hàng	-	-
Cộng	169.564.173.648	167.037.244.655
28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	Quý I năm 2023	Quý I năm 2022
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.590.792.991	612.180.933
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	10.800
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.565.605.055	547.938.177
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-
Cộng	6.156.398.046	1.160.129.910
29- Chi phí tài chính (Mã số 22)	Quý I năm 2023	Quý I năm 2022
- Chi phí lãi vay	868.456.451	3.562.542.179
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	542.732.189	102.455.247
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	3.550.775.309	21.298.254
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	-
- Chi phí tài chính khác	19.458	30.326
Cộng	4.961.983.407	3.686.326.006
30- Thu nhập khác	Quý I năm 2023	Quý I năm 2022
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Các khoản khác	12.798.775	227
Cộng	12.798.775	227
31- Chi phí khác	Quý I năm 2023	Quý I năm 2022
- Các khoản bị phạt	137.733.480	-
- Các khoản khác	212.446.188	-
Cộng	350.179.668	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

	<u>Quý I năm 2023</u>	<u>Quý I năm 2022</u>
32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a) Chi phí bán hàng	2.466.165.012	4.190.141.778
Hoa hồng phí cho các tàu	2.466.165.012	4.190.141.778
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.101.877.182	8.481.545.236
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	232.750.329	263.635.513
Chi phí nhân công	4.419.684.790	7.052.313.338
Chi phí khấu hao tài sản cố định	208.918.373	192.195.735
Thuế, phí, lệ phí	7.000.000	7.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	445.239.450	360.412.518
Chi phí khác bằng tiền	788.284.240	605.988.132
Cộng	8.568.042.194	12.671.687.014
33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :		
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.675.386.903	79.004.903.545
- Nhiên liệu	52.797.018.507	74.925.068.000
- Nguyên liệu, vật liệu	3.878.368.396	4.079.835.545
33.2- Chi phí nhân công	21.467.432.462	33.508.108.339
- Tiền lương	17.217.770.000	29.288.453.400
- BHXH	1.848.964.740	1.723.254.620
- Bảo hiểm y tế	234.194.186	206.694.551
- Bảo hiểm thất nghiệp	105.655.128	(21.375)
- Kinh phí công đoàn	211.644.408	202.740.865
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	1.849.204.000	2.086.986.278
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.190.380.694	22.055.837.027
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.544.473.846	43.865.915.017
33.6- Chi phí khác bằng tiền	1.983.424.657	1.274.167.741
Cộng	167.861.098.562	179.708.931.669
34- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	268.393.654	9.910.226.921
35- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ		
	<u>Quý I năm 2023</u>	<u>Quý I năm 2022</u>
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	-	-
- Tiền thu từ đi vay	-	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	13.653.000.000	56.348.000.000
- Tiền trả nợ gốc vay	13.653.000.000	56.348.000.000
VIII- CÁC THÔNG TIN KHÁC		
GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN		
1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt	<u>Quý I năm 2023</u>	<u>Quý I năm 2022</u>
Thu nhập của các thành viên khác trong Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	1.637.047.710	1.720.630.239
Thu nhập của Tổng Giám đốc	386.892.526	321.220.792
2. Giao dịch với các bên liên quan		
2.1. Với Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	<u>Ngày 31/03/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
- Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn	-	-
- Cổ tức phải trả Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	6.600.000.000	6.600.000.000
	<u>Quý I năm 2023</u>	<u>Quý I năm 2022</u>
- Doanh thu	-	-
- Mua hàng hóa, dịch vụ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động :

Các hoạt động	Quý I năm 2023	Quý I năm 2022
Vận tải biển		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	138.491.790.376	220.137.119.325
- Chi phí	140.419.598.817	168.249.978.120
- Lợi nhuận	(1.927.808.441)	51.887.141.205
Hoạt động dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	39.954.626.510	12.182.130.017
- Chi phí	37.712.617.025	11.458.953.549
- Lợi nhuận	2.242.009.485	723.176.468
Hoạt động tài chính		
- Doanh thu tài chính	6.156.398.046	1.160.129.910
- Chi phí tài chính	4.961.983.407	3.686.326.006
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	1.194.414.639	(2.526.196.096)
Hoạt động khác		
- Thu nhập hoạt động khác	12.798.775	227
- Chi phí hoạt động khác	350.179.668	-
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	(337.380.893)	227

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC

Dương Ngọc Tú